CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG XIÊM LẦN THỨ HAI NĂM 1842 DƯỚI VƯƠNG TRIỀU NGUYỄN

(Tiếp theo và hết)

NGUYỄN THANH TUYỀN*

2.3. Triều Nguyễn tổ chức kháng chiến

Đầu tháng 11 năm Tân Sửu (13-12-1841 đến 10-01-1842) (32), lĩnh Tuần phủ Hà Tiên là Lương Văn Liễu dâng tấu nói về việc quan quân đã rút khỏi Trấn Tây thì Hà Tiên, vốn là nơi "hẻo lánh vào miền biển, đất liền bên cõi giặc, thật là một địa đầu xung yếu", nay càng cần phải lưu tâm phòng bị. Lương Văn Liễu đề nghị cho lập một đồn lũy ở núi Lộc Giác, phái 500 quân đóng giữ; lại lập một đồn lũy lớn ở bên sông nhánh Cái Lần, phái 1.000 quân đóng giữ. Tuy nhiên, nhận thấy chưa thể lập tức tăng quân cho Hà Tiên vì đang tập trung đánh dẹp các cuộc nổi dậy ở Nam Kì, Hoàng đế Thiệu Trị không chấp thuận cho lập thêm đồn. Nhưng vị hoàng đế này cũng yêu cầu Hà Tiên phải chú ý phòng thủ, rèn luyện quân sĩ, sửa sang đài phong hỏa ở núi Lộc Giác và thường xuyên phái người dò xét để nắm tình hình quân Xiêm và Chân Lạp (33). Có thể xem đây là động thái chuẩn bị đầu tiên của triều Nguyễn nhằm ứng phó với khả năng quân Xiêm sẽ đánh sang nước ta.

Trong tháng 11 năm Tân Sửu, Lương Văn Liễu tổng hợp tin do thám và báo lên triều đình các tin tức quan trọng. Quân Xiêm và quân Chân Lạp thân Xiêm dưới trướng Nặc Ông Giun sắp chia đường kéo sang Nam Kì. Hoàng đế Thiệu Trị nhận định: "Giặc Xiêm muốn mưu đồ dòm vào chỗ hở, giúp bọn làm bậy, tin này chắc cũng không sai. Hiện nay đương vào kì phòng giữ mùa đông, nên gia sức nghiêm ngặt chống giữ để vững biên giới" (34). Một kế hoạch phòng thủ Nam Kì được vạch ra, với sự bố trí như sau (35):

Lãnh binh Mai Văn Tích và Đoàn Quang Mật trấn giữ bảo Vĩnh Thông (thuộc tỉnh An Giang).

Lĩnh Tuần phủ An Giang Nguyễn Công Trứ và Lãnh binh An Giang Nguyễn Lương Nhàn chia giữ các khu vực thuộc Hậu Giang (sông Hậu), Tiền Giang (sông Tiền) (đều thuộc tỉnh An Giang).

Thự Đề đốc Vĩnh Long Đoàn Văn Sách giữ sông Vĩnh Tế (thuộc tỉnh An Giang).

Phó Lãnh binh Tôn Thất Mậu trấn giữ núi Lộc Giác và đồn Chu Nham (thuộc tỉnh Hà Tiên).

Lãnh binh Ngô Văn Giai đóng giữ bảo Tây Ninh (thuộc tỉnh Gia Định).

Tỉnh Định Tường cử quân trấn giữ đồn Thông Bình hoặc đồn Hùng Ngự.

Các tỉnh Gia Định, Định Tường, Biên Hoà, Vĩnh Long và An Giang sửa soạn tàu thuyền, chiêu mộ nghĩa binh phòng khi cần đến.

*ThS. Hội Khoa học lịch sử Tp. Hồ Chí Minh

Các tướng đang đánh dẹp ở Nam Kì là Phạm Văn Điển, Nguyễn Tri Phương, Nguyễn Công Trứ, Đoàn Văn Sách, Nguyễn Công Nhàn, Nguyễn Lương Nhàn phải cùng nhau thảo luận, chia quân chốt giữ các nơi hiểm yếu ở Tiền Giang, Hậu Giang và khu vực từ Vĩnh Tế đến Hà Tiên, được tuỳ nghi đánh giữ theo tình hình thực tế.

Tháng 12 năm Tân Sửu (11-01-1842 đến 09-2-1842), triều đình Thiệu Trị nhận tin quân Xiêm dựng lên một nhân vật mạo xưng là con của Hoàng tử Cảnh, tự xưng là Hoàng Tôn, dưới quyền có vài nghìn quân và đang đóng tại Nam Vang (Phnôm Pênh) (36). Các tướng Nguyễn ở Vĩnh Tế là Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Công Nhàn, Đoàn Văn Sách nhân đó đã nhận xét về âm mưu, thủ đoạn của quân Xiêm và tâu lên Thiệu Trị rằng: "Sự thể ở nơi biên cương, sớm, tối mỗi lúc mỗi khác. Tên đầu mục người Xiêm, Chất Tri, rất tinh quái: trước đây đã đều lập tên ngụy Giun để thu phục vỗ về dân Miên, nay lại tạo ra kẻ ngụy xưng Hoàng tôn để cổ hoặc người Kinh. Chúng nói phao rằng Tiền Giang và Hậu Giang sẽ đều phái quân đến, nhưng ý chúng tất đến hai nơi Hà Tiên, Vĩnh Tế trước, vì Hà Tiên địa thế cách biệt, mà chúng thì thủy, bộ đều có thể tiếp ứng cho nhau; Vĩnh Tế, đường sông dài dòng, mà chúng thì tả, hữu đều có thể tiếp ứng sang. Vĩnh Tế một khi bị nghẽn thì Hà Tiên thế tất cô lập. Hiện nay, chúng thám biết ta phòng bị nghiêm ngặt chưa dám khinh động. Duy ở biên giới, ta nên giữ vững chắc trước, rồi sau mới tuỳ thế đánh dẹp" (37).

Tháng 2-1842 (38), hơn 160 chiến thuyền Xiêm xâm phạm các nơi thuộc hải phận Hà Tiên. Quân giặc thị uy ở bến Tiêu Lục và đảo Ô Mai Lam; tấn công đảo Phú Quốc và đảo Hùng Chưởng (tức đảo Móng Tay). Quân Nguyễn chống không nổi phải rút chạy. Sau đó, quân Nguyễn điều 8 chiến thuyền tiến ra Phú Quốc nhưng gặp sóng to gió lớn, phải lui về (39). Hành động này của quân Xiêm đã mở đầu cuộc xâm lược Nam Kì nước ta, dọn đường cho cuộc tiến công quy mô của đạo quân thủy sau đó.

Tiếp đó, tên ngụy xưng Hoàng Tôn dẫn hơn 5.000 quân Xiêm, Lào đến chiếm đóng Sách Sô. Các tướng Nguyễn ở Nam Kì liền chia nhau trấn giữ, tuần tra ở tỉnh Hà Tiên, ở khu đồn Vĩnh Thông và Tiền Giang (thuộc tỉnh An Giang) (40). Thự Đề đốc Vĩnh Long Đoàn Văn Sách trực tiếp đem quân chi viện cho mặt trận Hà Tiên. Tướng Nguyễn Tri Phương cũng xin tăng cường quân số cho các đồn Thông Bình, Hùng Ngự (thuộc tỉnh Định Tường), đồn An Lạc, Tân Châu (thuộc tỉnh An Giang) và được chấp thuận (41).

Ngày Ất Sửu (tức ngày 16) tháng Giêng năm Nhâm Dần (25-02-1842), Hoàng đế Thiệu Trị ban dụ cho các quan to ở Nam Kì, nhấn mạnh việc ông sắp phải ngự giá ra Hà Nội để tiếp đón sứ giả nhà Thanh (Trung Quốc) sang làm lễ sách phong tước Việt Nam Quốc Vương, đồng thời yêu cầu các văn thần, võ tướng ở Nam Kì phải cố gắng "giúp nhau dẹp giặc, đồng lòng vì nước" (42).

Tháng 2 năm Nhâm Dần (13-3-1842 đến 10-4-1842), đạo quân thủy của Xiêm do Ô Thiệt Vương cầm đầu, đã tiến đánh Hà Tiên. Quân Xiêm chiếm đóng từ núi Lộc Giác đến Chu Nham, âm mưu đánh úp Lô Khê (tức Rạch Vược, là khu vực bờ biển ở phía Nam Hà Tiên), chiếm Tô Môn (cửa Đông Hồ, cạnh núi Tô Châu) rồi đánh chiếm tỉnh thành Hà Tiên. Ngày Giáp Ngọ (tức ngày 15) tháng 2 năm Nhâm Dần (26-3-1842), Hoàng đế Thiệu Trị nhận được tin cấp báo, bèn gấp rút lập ra bộ chỉ huy cuộc kháng chiến ở Nam Kì, giao cho Tổng đốc Định-Biên (Gia Định, Biên Hoà) là Lê Văn Đức giữ chức chỉ huy tối cao. Sách *Đại Nam thực lục* cho biết:

"Cho Tổng đốc Định-Biên, Ân Quang tử Lê Văn Đức thăng thự Hiệp biện Đại học sĩ, sung chức Tổng thống quân vụ, đi đánh dẹp. Vua cho rằng: Ở Hà Tiên, việc đương khẩn thiết, mà những việc giữ các đạo binh không ai cai quản ai, nên mới cho Lê Văn Đức đứng cai quản cả. Lại cho lưu Kinh đại thần là Thống chế dinh Thần cơ Lê Văn Phú sung chức Tham tán đại thần, Đề đốc Kinh thành Tôn Thất Tường sung chức Tán lí đại thần, thự Phủ thừa Thừa Thiên là Lê Khắc Nhượng sung chức Tán tương quân vụ, chuyên làm văn thư. Trích lấy biền binh 4 vệ Vũ lâm, Tiền phong, Hùng nhuệ, Hậu bảo ở Kinh do Lê Văn Phú quản lĩnh, đáp 5 chiếc thuyền lớn bọc đồng... vượt tới Gia Định, gồm cùng thú binh 2 vệ Quảng Nam, Quảng Ngãi đều do Lê Văn Đức, Lê Văn Phú cai quản cả. Phàm các viên đốc, phủ, đề đốc, bố, án, lãnh binh ở Nam Kì và những viên quân thứ tại Ba Xuyên, An Giang, Hà Tiên đều phải nghe theo mệnh lệnh cắt đặt, lại cho phép được tiện nghi làm việc, các tướng sĩ có kẻ nào ra trận mà lùi, nhát hay không vâng mệnh thì một mặt trị tội luôn, một mặt tâu để vua biết" (43).

Đồng thời, Thiệu Trị cũng lệnh cho các tỉnh Nam Kì gọi thêm hương binh. Hai tỉnh Gia Định, Vĩnh Long, mỗi tỉnh 1.000 người; ba tỉnh Biên Hoà, Định Tường, An Giang, mỗi tỉnh 500 người (44).

Tại mặt trận Hà Tiên

Khoảng nửa sau tháng 2 năm Nhâm Dần (cuối tháng 3-1842) (45), giữa lúc lực lượng của Tổng thống quân vụ Lê Văn Đức đang tập hợp và di chuyển, quân Xiêm đã mở cuộc tấn công dữ dội. Quân Xiêm lập ra 18 đồn trại từ núi Lộc Giác đến đường bộ ở Chu Nham, rồi dàn chiến thuyền chặn Kim Dữ (cửa biển Hà Tiên) và Lô Khê, sau đó nổ súng bắn vào các vị trí quân Nguyễn. Quân Nguyễn nổ súng bắn trả khiến nhiều thuyền giặc bị thủng vỡ. Quân Xiêm không nao núng, tiếp tục dội hoả lực suốt ngày đêm để bức hãm quân Nguyễn. Các tướng chỉ huy cao nhất ở Hà Tiên là Đoàn Văn Sách, Lương Văn Liễu chia nhau đốc thúc quân sĩ ra sức kháng địch. Đoàn Văn Sách cùng lĩnh Án sát Đinh Văn Huy thì thân hành đến đóng giữ pháo đài ở cửa biển Kim Dữ; sau đó những người khác là Lương Văn Liễu, Trần Văn Thông, Mai Văn Tích, Huỳnh Mẫn Đạt đều dẫn quân đến, chia bày như bức thành dài, chống trả quyết liệt.

Cuối cùng, quân Nguyễn dần áp đảo, diệt nhiều sinh lực, làm hư hại nhiều chiến thuyền địch. Quân Xiêm hoảng sợ phải bỏ chạy. Quân Nguyễn truy đuổi, thu được nhiều súng lớn của giặc. Quân Xiêm càng kinh hoàng, rối loạn tháo chạy về nước (46).

Quân Nguyễn thu hồi các địa điểm bị quân Xiêm đánh chiếm, làm chủ hoàn toàn tình hình ở Hà Tiên. Quân Xiêm sau đó còn đem binh thuyền lảng vảng ngoài khơi xa nhưng không dám tiến công. Với chiến thắng này, quân Nguyễn đã đánh bại cánh quân thủy của giặc. Hà Tiên trở lại yên ổn, quân tướng triều Nguyễn giờ đây có thể dồn mọi tâm sức cho mặt trận An Giang.

Tại mặt trận An Giang

Cuối tháng 3 đầu tháng 4-1842, đạo quân bộ hàng vạn tên của Xiêm với sự tham gia của quân Chân Lạp thân Xiêm và sự hưởng ứng, trợ lực của một bộ phận quân nổi dậy ở Nam Kì, đã kéo đến tỉnh An Giang. Tại sông Vĩnh Tế, chúng đóng đồn trại liên tiếp: bên hữu ngạn từ Vĩnh Thông đến Tiên Nông, bên tả ngạn từ Vĩnh Lạc đến Tĩnh Biên. Sau đó, chúng đánh vào các đồn Tân Châu, An Lạc ở Tiền Giang và Đa Phúc, Cần Thăng ở Hậu Giang (47). Trên khu vực dọc hai bên bờ sông Vĩnh Tế và một số nơi gần sông Tiền, sông Hậu, quân Xiêm lập ra hơn 50-60 đồn lũy (48). Trước đó, Hoàng đế Thiệu Trị đã lệnh cho Nguyễn Tri Phương, Nguyễn Tiến Lâm đem quân án ngữ sông Tiền; Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Công Nhàn án ngữ sông Vĩnh Tế; Phạm Văn

Điển, Nguyễn Lương Nhàn án ngữ sông Hậu (49). Nay, ông lại yêu cầu các tướng phải hết sức giúp đỡ nhau chống giặc.

Từ cuối tháng 3 đến đầu tháng 4-1842, quân Nguyễn đã tiến hành nhiều trận tấn công vào quân Xiêm. Tổng đốc An-Hà (An Giang, Hà Tiên) là Phạm Văn Điển đại phá hơn 3.000 quân Xiêm, thổ ở mặt Hậu Giang. Quân giặc phải bỏ chạy, quân Nguyễn liền phá hủy các đồn lũy, thu được rất nhiều khí giới (50).

Tiếp đó, Phạm Văn Điển và Nguyễn Công Nhàn lại đem quân đến khu vực sông Vĩnh Tế thuộc huyện Hà Âm, tỉnh An Giang đương thời. Bấy giờ, hàng vạn quân Xiêm và thổ phỉ nương theo Trường Lũy (51) từ Vĩnh Điền đến Tiên Nông để lập ra 8 đồn lũy, mỗi đồn lũy có 2.000 quân. Chúng còn đặt 13 trại quân ở ven núi, mỗi trại khoảng 2000 quân. Chúng lại mưu đồ đánh phá các thành, đồn của ta hai bên sông Vĩnh Tế như Vĩnh Thông, Tiên Nông, Thôn Nhân, Vĩnh Lạc. Nhận thấy quân giặc tập trung đông đảo và đắp đồn hạ trại nhằm hỗ trợ nhau, qua đó muốn mở rộng cuộc xâm lược, hai tướng Phạm Văn Điển và Đoàn Văn Sách dù binh lực chỉ hơn 5.000 người nhưng vẫn quyết đánh mạnh vào quân giặc. Phạm Văn Điển cùng các tướng thảo luận, cho rằng: "Giặc nhiều, ta ít, nếu ta nhất tề tiến đánh thì chúng sẽ phải chia binh ra; nếu chúng có quân viện ở ngoài cũng khó lòng tiếp ứng được" (52). Từ đó, Phạm Văn Điển liền chia quân làm ba đạo:

Đạo thứ nhất: hơn 1.000 quân, do Đoàn Quang Mật chỉ huy, tiến đánh đồn bên tả của giặc. Tôn Thất Nghị đem hơn 500 quân tiếp ứng.

Đạo thứ hai: hơn 600 quân, do Nguyễn Lương Nhàn dẫn đầu, đánh vào đồn bên hữu của giặc.

Đạo thứ ba: hơn 1.300 quân, do Nguyễn Công Nhàn điều khiển, tấn công ba đồn ở giữa. Phạm Văn Điển tự thống lĩnh hơn 1600 quân để tiếp ứng.

Trận quyết chiến diễn ra vào ngày 08-4-1842 (53). Diễn biến chiến trận được sách *Đại Nam thực lục* chép khái quát như sau:

"Đồn giặc 5 sở, bọn giặc ở mỗi đồn hơn 2.000 tên, hoặc giữ hiểm bắn ra, hoặc ra đồn chống đánh. Quan quân giao chiến với giặc, đồn tả của giặc vỡ trước, Đoàn Quang Mật và Tôn Thất Nghị chuyển về đạo binh của Nguyễn Công Nhàn để hợp sức đánh (...) Quân giặc, 13 trại ở trong rừng, mỗi chi ước 2.000 tên, do đường rừng kéo ra tiếp viện. Phạm Văn Điển sai Phó quản cơ Dương Hựu, Phạm Phúc Minh đều đem quân bản chi chặn đánh; Nguyễn Lương Nhàn lại sai Nguyễn Văn Ổn, Phan Pháp, Hồ Bích đem một toán quân đánh úp phía sau. Bị trong ngoài giáp đánh, giặc lại phải rút vào rừng, lủi trốn. Tướng giặc bỏ cả tàn lọng, voi, ngựa, một mình chạy lẩn như chuột. Các đồn giặc đều bị quan quân bao vây, đầu cuối không tiếp ứng được nhau, chỉ trong chốc lát, các đồn đều tan chạy hết; 13 trại giặc ở ven núi không đánh cũng tự vỡ. Quân ta dồn sức đuổi bắt, chém được 448 đầu, đâm trúng 225 tên, bắn chết 339 tên (...). Lại thừa thắng tiến đánh 3 sở đồn giặc, tới nơi, quân giặc đều bỏ đồn chạy trốn, bèn sai quân sĩ đốt cháy hết một lượt" (54).

Trong công trình sử học của mình, Bun Srun Theem, dựa theo sử liệu Thái Lan, cũng cho biết thiệt hại nặng nề của quân Xiêm:

"Vào thứ sáu, ngày 13-5 trăng khuyết [tức là ngày 8-4-1842] vào lúc bình minh, quân Việt và quân Thái đã giao chiến trong một thời gian [ngắn]… Quân đội Thái Lan và Campuchia bị thương vong rất nặng nề do cuộc tấn công bất ngờ này của quân Việt Nam. 17 quan chức cấp cao của Thái Lan, 1.200 binh sĩ, 9 Ốc Nha, trong đó có Preah Ang Keo, Ốc Nha cấp cao nhất trong hệ thống phân cấp Campuchia, và 2.000 binh

sĩ Campuchia đã thiệt mạng. Bản thân tướng chỉ huy Thái Lan, Phraya Yumarat, bị thương trong trận chiến và con trai ông thiệt mạng. Quân đội Việt Nam đã không truy đuổi kẻ thù của họ sau sự thất bại này. Một biên niên sử Thái Lan viết: "Nếu quân Việt Nam đuổi theo phía sau thì thương vong sẽ nhiều hơn". Quân Thái và Campuchia rút lui về Phnôm Pênh trong tình trạng hoàn toàn hỗn loạn" (55).

Trận chiến tại Vĩnh Tế này (sử triều Nguyễn gọi theo đơn vị hành chính đương thời là "trận Hà Âm") là cuộc tấn công chủ động đầy táo bạo nhưng kiên quyết của quân Nguyễn, bất chấp chênh lệch về lực lượng, vẫn trực tiếp giao chiến với khối quân quan trọng nhất, mạnh nhất và đông đảo nhất của giặc tại mặt trận An Giang. Chiến thắng giòn giã tại Vĩnh Tế đã đè bẹp đại bộ phận quân giặc, bẻ gãy mũi nhọn xâm lăng chủ yếu trên hướng An Giang và giáng đòn đích đáng vào ý chí xâm lược của chúng. Đây là chiến thắng mang tính bước ngoặt, cùng với chiến thắng tại Hà Tiên, đã quyết định cục diện cuộc kháng chiến theo hướng phần thắng thuộc về quân Nguyễn.

Quân Xiêm sau trận thua đau tại Vĩnh Tế, phần lớn lực lượng phải chạy về Chân Lạp. Tuy nhiên, một bộ phận của đạo quân bộ của chúng, vốn cùng quân nổi dậy chiếm cứ một số nơi dọc sông Tiền và khu vực dãy núi Thất Sơn, vẫn ngoan cố chống trả. Bên cạnh đó, đội quân của Hoàng Tôn vẫn chiếm giữ Sách Sô dù tên này đã theo gót quân Xiêm bỏ chạy sau trận Vĩnh Tế.

Trong thời gian còn lại của tháng 4-1842, quân Nguyễn tại An Giang tiếp tục đánh vào các vị trí còn lại của giặc. Phạm Văn Điển cùng Nguyễn Công Nhàn, Tôn Thất Nghị đem 3.000 quân đánh mạnh vào Sâm Phủ (hay Tham Phủ, là địa điểm nằm giữa khu vực từ Vĩnh Tế đến Thất Sơn). Quân giặc giữ chỗ hiểm yếu kháng cự nhưng vẫn bị quân Nguyễn tiêu diệt (56). Liền đó, Thự Tổng đốc Long-Tường (Vĩnh Long, Định Tường) là Nguyễn Tri Phương cũng đem quân tiến đánh khu vực Tiền Giang. Lúc ấy, quân Xiêm dựng trại gần các đồn Cửu An, Tân Châu và An Lạc của ta, rồi kéo vài nghìn người đến vây đánh. Nguyễn Tri Phương cử tướng tung quân giáp chiến, buộc quân giặc phải chạy dài (57). Đến đây, các khu vực Hậu Giang, Vĩnh Tế và Tiền Giang đã sạch bóng giặc Xiêm, chỉ còn khu vực Thất Sơn và Sách Sô chưa được giải phóng.

Tháng 5-1842 (58), quân Nguyễn dưới quyền điều khiển của Tổng thống quân vụ Lê Văn Đức đã tấn công khu vực Thất Sơn lần thứ nhất. Trước đó, đại quân của Lê Văn Đức, khi đến được Hà Tiên thì quân Xiêm ở đây đã bị quét sạch, đồng thời, mặt trận An Giang cũng liên tiếp đại thắng ở Hậu Giang, Vĩnh Tế và Tiền Giang. Do đó, đến lúc này, đạo quân của Lê Văn Đức mới thực sự tham chiến. Sau khi hội quân với Phạm Văn Điển ở Thất Sơn, Lê Văn Đức giao cho Phạm Văn Điển chốt giữ ở Cấm Sơn (núi Cấm), rồi thân hành thúc quân đánh vào đồn trại giặc ở Tượng Sơn (núi Voi) và núi Tà Liệt (59). Quân giặc tại hai nơi này bị đánh tan, nhưng tại các ngọn núi khác, chúng vẫn liều chết dựng đồn trại cầm cự.

Sang tháng 6-1842 (60), Lê Văn Đức cho quân tấn công Thất Sơn lần thứ hai. Quân Nguyễn chia làm 5 đạo, mỗi đạo 1.000 quân, chia đường đánh vào sào huyệt giặc tại Sà Tôn và Tô Sơn. Trận Sà Tôn-Tô Sơn đại thắng, phá hủy hơn 10 đồn lũy và trại sách của giặc (61). Quân Nguyễn hoàn toàn kiểm soát khu vực Thất Sơn kể từ đây.

Hoàng đế Thiệu Trị nhận tin, rất vui mừng và hạ lệnh cho Lê Văn Đức: "Nay Thất Sơn đã phá vỡ, bọn giặc lẩn lút kia chắc cũng không còn chỗ trốn để khỏi chết (…). Chỗ nào còn có bọn giặc tàn đến tụ họp

thì chia quân đi tiễu diệt. Lại phải dời quân đến Sách Sô, bắt giết bọn ngụy phạm đã sợ mất vía mà chết lẩn, gần biên giới không còn giặc tụ họp ngầm nữa thì chuẩn cho một mặt tâu lên, một mặt rút quân khải hoàn" (62).

Tháng 6 năm Nhâm Dần (08-7-1842 đến 05-8-1842), quân Nguyễn từ sông Vàm Nao ra sông Tiền, ngược sông Tiền tiến đến Sách Sô. Quân giặc ở Sách Sô kinh hãi, chống cự yếu ớt rồi tan chạy.

Lê Văn Đức tâu xin triều đình chia quân phòng thủ Nam Kì để không bị động nếu quân Xiêm tái xâm phạm. Hoàng đế Thiệu Trị đồng ý với đề nghị đó (63). Sau đó, Lê Văn Đức nhận lệnh dẫn quân khải hoàn.

Cuộc kháng chiến chống Xiêm lần thứ hai dưới triều Nguyễn đã toàn thắng. Trong 6 tháng (tháng 2 đến tháng 7-1842), quân dân triều Nguyễn dưới thời Hoàng đế Thiệu Trị đã đập tan cuộc xâm lăng nhằm vào Nam Kì của hàng vạn quân Xiêm. Các toán quân nổi dậy ở Nam Kì từ trước và hưởng ứng giặc, cùng lực lượng Hoàng Tôn đều bị đánh cho tan tác. Phấn khởi trước chiến công vệ quốc vừa qua, Hoàng đế Thiệu Trị đã không khỏi tự hào mà ban dụ bố cáo thiên hạ rằng:

"Trước đây, Lạp Man phản bội, thông đồng với giặc Xiêm, dồn quân cả nước đến cướp biên giới (…). Trẫm buổi đầu nối ngôi, gặp phải biên cương có việc, bất đắc dĩ phải dấy binh động chúng, sai tướng đi đánh, không ngoài sự đánh kẻ phản nghịch, giữ yên lương dân, để cầu cho yên ổn. Nhờ trời tựa đất thương, ông cha để phúc, các tướng đồng lòng, ba quân theo mệnh, mà được cờ đỏ báo thắng, hoàn thành võ công (…). Hiện nay, các nơi biên thùy, địa diện đều được yên tĩnh; quân, dân mọi chỗ đều được yên vui, mà tấm lòng của trẫm lo cho dân từ trước đến nay cũng có thể được yên ủi đôi chút. Vì vậy dụ khắp trong ngoài cho mọi người đều biết rõ" (64).

3. Vị trí cuộc kháng chiến chống Xiêm năm 1842 trong lịch sử dân tộc

Cuộc kháng chiến chống Xiêm năm 1842 diễn ra trong bối cảnh vương triều Nguyễn đang phải đương đầu với tình hình phức tạp về xã hội, chính trị, quân sự trên cả vùng đất Trấn Tây lẫn Nam Kì. Nổi bật là những biến loạn xã hội với các cuộc nổi dậy của nhân dân nổ ra khắp Trấn Tây và một phần Nam Kì, đồng thời, triều đình Xiêm cũng đưa quân vào Trấn Tây với chiêu bài tái lập vương vị cho Chân Lạp, từ đó gây nên xung đột quân sự trực tiếp với quân Nguyễn tại đây. Quan quân triều Nguyễn phải căng sức đối phó suốt từ cuối thời Hoàng đế Minh Mệnh đến đầu thời Hoàng đế Thiệu Trị nhưng chưa thể ổn định tình hình. Các hành động quân sự liên miên song hành với những xáo trộn kinh tế-xã hội đang hiện hữu, nhất là tại Nam Kì, tạo nên gánh nặng về kinh tế-tài chính, ảnh hưởng nhiều mặt đến đời sống nhân dân (trực tiếp tại Nam Kì), gây áp lực lớn với triều đình Thiệu Trị về việc xác định phương sách đối phó sao cho hiệu quả. Quyết định tạm triệt thoái quân khỏi Trấn Tây từ tháng 11-1841 là một nỗ lực của triều đình Thiệu Trị trong ứng phó và xử lí thực tiễn phức tạp đó. Tuy nhiên, triều đình Thiệu Trị vẫn chủ động nắm bắt tin tức, đề cao cảnh giác và tăng cường phòng bị ở Nam Kì để không bị động, bất ngờ trước khả năng quân Xiêm có thể tấn công xâm lược nước ta. Các diễn biến sau đó cho thấy quân Xiêm đã không bỏ lỡ cơ hội để gây chiến tranh xâm lược. Nhưng chúng đã vấp phải sự kháng cự mạnh mẽ của quân dân triều Nguyễn, chịu những tổn thất lớn ngay từ những ngày đầu kéo vào Nam Kì, để rồi phải hứng chịu thất bại và không dám xâm phạm nước ta nữa. Thắng lợi của cuộc kháng chiến thể hiện quyết tâm, khả năng và tiềm lực bảo vệ đất nước của vương triều Nguyễn, cũng làm nổi bật tinh thần

chủ động, ý chí sẵn sàng chống giặc giữ nước của quân dân ta đương thời.

Cuộc kháng chiến lần này là lần thứ hai quân dân triều Nguyễn phải chống lại và giành thắng lợi oanh liệt trước đội quân xâm lược của vương quốc Xiêm ở thời kì cường thịnh (lần thứ nhất vào năm 1834 dưới thời Hoàng đế Minh Mệnh). So với cuộc xâm lăng lần trước, lần này Xiêm đã triệt để lợi dụng các biến động ở Nam Kì cũng như sử dụng và tạo ra các chiêu bài chính trị để gây thanh thế, gia tăng sức mạnh cho đội quân viễn chinh, khoét sâu hơn các khó khăn của quân Nguyễn. Điều này cho thấy rõ hơn âm mưu và các thủ đoạn nham hiểm khi tiến hành cuộc xâm lược nước ta nhằm hiện thực hoá tham vọng bá quyền của Xiêm trong khu vực Đông Nam Á. Thắng lợi của cuộc kháng chiến đã đập tan mộng tưởng thôn tính một phần lãnh thổ nước ta suốt từ đầu thế kỉ XVIII, giáng đòn mạnh vào âm mưu bành trướng, mở rộng ảnh hưởng ra xung quanh của triều đình Xiêm.

Cuộc kháng chiến chống Xiêm năm 1842, xét từ góc độ quan hệ Việt-Xiêm-Chân Lạp nửa đầu thế kỉ XIX, có quan hệ mật thiết với cuộc cạnh tranh ảnh hưởng gay gắt tại Chân Lạp giữa hai thế lực Nguyễn và Xiêm. Cuộc tấn công vào Hà Tiên và An Giang của Xiêm năm 1842 đã nối tiếp ngay sau các thắng lợi chính trị, phần nào là quân sự của Xiêm khi bước đầu giành lại ảnh hưởng ở Chân Lạp sau khi quân Nguyễn phải rút về nước. Quân Nguyễn sau đó đã đẩy lui cuộc xâm lăng của Xiêm nhưng chưa khôi phục được địa vị ở Chân Lạp nên vẫn ra sức chỉnh đốn lực lượng, đợi chờ thời cơ. Năm 1845, một bộ phận quân dân Chân Lạp đã đề nghị triều Nguyễn đem quân trợ giúp vì không thể chịu đựng sự áp bức nặng nề của Xiêm. Quân Nguyễn tiến vào Chân Lạp, dần chiếm thế thượng phong, buộc quân Xiêm ở đây phải cầu hoà. Triều đình Thiệu Trị từ sự cân nhắc vấn đề lợi hại lâu dài, đã chấp thuận nghị hoà với nội dung then chốt là khôi phục ngôi vua cho Chân Lạp, buộc Chân Lạp phải duy trì địa vị "chư hầu kép" (vừa thần phục Nguyễn vừa thần phục Xiêm), qua đó cân bằng quyền lực và vị thế tại Chân Lạp của triều đình Đại Nam và triều đình Xiêm. Như vậy, cuộc kháng chiến chống Xiêm năm 1842 là một trong những hệ quả của cuộc xung đột Nguyễn-Xiêm nhằm tranh giành địa vị ở Chân Lạp. Thực tế này khiến nhiều nhà nghiên cứu Việt Nam và nước ngoài, xuất phát từ việc xem xét mối quan hệ Nguyễn-Xiêm-Chân Lạp, quan hệ Nguyễn-Xiêm và việc hiểu khái niệm "chiến tranh" theo nghĩa phổ quát của nó, đã định vị cuộc chiến Nguyễn-Xiêm năm 1842 là một bộ phận "Chiến tranh Xiêm-An Nam 1841-1845", "Chiến tranh chống Xiêm năm 1841-1845"… Tuy nhiên, từ quan điểm nghiên cứu lịch sử Việt Nam một cách toàn diện, xuyên suốt diễn trình lịch sử trên cơ sở địa lí học lịch sử, chủ quyền lãnh thổ Việt Nam hiện nay, cần thiết phải tách biệt để nhìn nhận thoả đáng về bản chất và vị thế, ý nghĩa của cuộc chiến năm 1842.

Nhìn lại lịch sử triều Nguyễn trong quan hệ với Chân Lạp, từ năm 1807, triều Nguyễn đã thiết lập chế độ bảo hộ ở Chân Lạp, khẳng định ảnh hưởng và quyền chi phối nhiều mặt tại Chân Lạp. Từ năm 1834, sau thắng lợi của cuộc kháng chiến Xiêm lần thứ nhất, triều Nguyễn ngày càng tăng cường sự chi phối đối với Chân Lạp về mọi mặt, đến năm 1835 thì tiến đến bước cao nhất với việc lập ra Trấn Tây thành,

quyết tâm sáp nhập một phần lãnh thổ Chân Lạp vào bản đồ triều Nguyễn. Triều Nguyễn trực trị ở Trấn Tây từ năm 1835 đến năm 1841 nhưng chưa thể tạo lập được cơ sở vững vàng để vùng đất này thực sự trở thành một bộ phận không thể tách rời của nước ta thời bấy giờ trên các phương diện kinh tế, xã hội, văn hoá, đặc biệt là lòng dân. Vì vậy, khi nền cai trị của triều Nguyễn không thể giữ vững, Xiêm đã nhanh chóng đưa quân can thiệp và đạt nhiều kết quả, tranh thủ được sự tham gia và hưởng ứng của một bộ phận không nhỏ nhân dân Chân Lạp. Điều này dẫn đến cuộc chiến Xiêm-Nguyễn trên đất Chân Lạp năm 1840-1841 và trong năm 1845. Như vậy, bản chất hai cuộc chiến năm 1840-1841 và 1845 là chiến tranh giành quyền lợi, ảnh hưởng tại Chân Lạp của hai thế lực hùng mạnh ở Đông Nam Á nửa đầu thế kỉ XIX. Cuộc tấn công của Xiêm vào Nam Kì đầu năm 1842 là một hệ quả của cuộc chiến tranh năm 1840-1841 khi Xiêm nhận thấy có cơ hội để xâm lấn nước ta một lần nữa. Tuy nhiên, điều quan trọng là vùng đất Nam Kì đến thời điểm bấy giờ đã trở thành một phần lãnh thổ quan trọng, không thể chia cắt của nước ta. Biên giới giữa Nam Kì và Chân Lạp về cơ bản đã được xác lập rõ với sự kiện vua Chân Lạp là Nặc Tôn cắt vùng đất Tầm Phong Long (nay là An Giang, Cần Thơ, Hậu Giang, Sóc Trăng và các huyện nam sông Tiền của tỉnh Đồng Tháp) và các phủ mà về sau sẽ sáp nhập vào trấn Hà Tiên là Vũng Thơm, Hương Úc, Cần Giột (Cần Bột), Chân Xum (Chân Xâm), Xoài Mút (Sài Mạt), Linh Quỳnh để trả ơn chúa Nguyễn hỗ trợ lên ngai vàng vào năm 1757. Các hoạt động khai phá đất đai, xác lập và thực thi chủ quyền liên tục dưới thời các chúa Nguyễn trong thế kỉ XVII-XVIII đã khẳng định đầy đủ chủ quyền của người Việt tại đây, đưa Nam Kì trở thành bộ phận hữu cơ, gắn bó máu thịt trong lòng quốc gia-dân tộc Việt Nam. Vùng đất Nam Kì tuy trải qua không ít cuộc đao binh, nhưng chưa bao giờ là nơi các chúa Nguyễn, phong trào Tây Sơn hay triều Nguyễn sau này phải tranh giành ảnh hưởng với Xiêm vì chủ quyền của người Việt tại đây đã được xác lập, thực thi một cách rõ ràng và liên tục. Mọi hành động tấn công nhằm vào Nam Kì của Xiêm trong các năm 1718, 1771-1772, 1784-1785, 1834 đều bị quân dân ta đánh tan, kiên quyết không để bờ cõi đất nước rơi vào tay quân xâm lược. Do đó, việc Xiêm đánh vào Nam Kì năm 1842 là hành động xâm lăng lãnh thổ của một quốc gia độc lập, có chủ quyền (tức nước Đại Nam dưới triều Nguyễn), âm mưu lấn cướp, phá vỡ tính toàn vẹn lãnh thổ của nước ta. Điều này hoàn toàn khác về tính chất, bản chất so với hành động can thiệp quân sự vào Chân Lạp năm 1840-1841 của Xiêm. Cuộc tấn công năm 1842 không gì khác hơn là một cuộc xâm lược nhằm vào nước ta, phục vụ âm mưu gia tăng ảnh hưởng, mở mang cương thổ trong khu vực của triều đình Xiêm. Các hành động giáng trả quân cướp nước của quân dân triều Nguyễn đương thời thực chất là cuộc chiến đấu nhằm bảo vệ chủ quyền quốc gia, là một cuộc "kháng chiến" mang đầy đủ tính chất và nội hàm của khái niệm này. Như vậy, mối liên hệ của cuộc chiến chống Xiêm năm 1842 với xung đột Việt-Xiêm năm 1840-1841 và năm 1845 là một thực tế không thể phủ nhận. Nhưng có lẽ không nên vì vậy mà đánh đồng tính chất, xem đó chỉ là một bộ phận của cuộc chiến Xiêm-Việt năm 1841-1845. Cách định danh bản chất các xung đột quân sự

trên đất Chân Lạp những năm 1840-1841, 1845 như mốc mở đầu và kết thúc của cuộc chiến tranh Xiêm-Việt suốt từ năm 1841 đến năm 1845 có lẽ chưa thật sự phản ánh đúng thực tế lịch sử, rất cần có các khảo cứu chuyên sâu và toàn diện để làm sáng tỏ. Tuy nhiên, điều có thể khẳng định là, trong năm 1842, vùng đất Nam Kì dưới triều Nguyễn lại một phen dậy sóng, đối diện với cuộc chiến tranh xâm lược của Xiêm; quân dân triều Nguyễn đã dũng cảm chiến đấu và chiến thắng, nêu cao tinh thần bất khuất chống giặc thù, giữ gìn vững chắc lãnh thổ Nam Kì và nền độc lập, chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc. Cuộc kháng chiến chống Xiêm năm 1842 một lần nữa đã góp phần tô thắm thêm truyền thống yêu nước, anh dũng chống ngoại xâm của dân tộc ta.

Cùng với cuộc kháng chiến lần thứ nhất năm 1834, cuộc kháng chiến lần này đã chứng tỏ được vai trò tích cực của vương triều Nguyễn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước ở giai đoạn nửa đầu thế kỉ XIX. Trong kháng chiến, Hoàng đế Thiệu Trị và các danh thần, danh tướng như Phạm Văn Điển, Đoàn Văn Sách, Nguyễn Công Nhàn, Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Lương Nhàn, Lê Văn Đức, Lương Văn Nhàn, Lương Văn Liễu, Nguyễn Tri Phương… đã trở thành các đại diện tiêu biểu cho ý chí và quyết tâm đánh giặc giữ nước của vương triều Nguyễn, của nhân dân và dân tộc ta đương thời.

Cuộc kháng chiến chống Xiêm năm 1842 đã góp phần lưu dấu đậm nét về những thành tựu, công lao và vai trò của vương triều Nguyễn trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước, bảo vệ chủ quyền quốc gia-dân tộc ở nửa đầu thế kỉ XIX; lưu danh trong lịch sử là một chiến công chống xâm lược oai hùng của vương triều Nguyễn.

CHÚ THÍCH

(33), (34), (35), (36), (37), (39), (40), (41), (42), (43), (44). *Đại Nam thực lục*, tập 6, sđd, tr. 244-245,250, 251, 274, 274, 279, 280, 281, 288-2289, 304, 304.

(32). Chính sử triều Nguyễn là *Đại Nam thực lục* hầu như chỉ chép tháng, không chép rõ ngày diễn ra các sự kiện. Việc chuyển đổi từ Âm lịch sang Dương lịch, chúng tôi dựa theo Lê Thành Lân*, Lịch và niên biểu lịch sử hai mươi thế kỉ (0001-2010*), Nxb. Thống kê, Hà Nội, 2000.

(38). *Đại Nam thực lục,* tập 6, sđd, chép sự kiện này sau ngày Đinh Tỵ (tức ngày 08) và trước ngày Tân Dậu (tức ngày 12) tháng Giêng năm Nhâm Dần. Hai ngày này đổi sang Dương lịch lần lượt là 17-02-1842 và 21-02-1842. Bấy giờ, theo lệ định từ năm Minh Mệnh thứ nhất (1820) tin tức từ Nam Kì gửi đến Kinh đô Huế mất 9-12 ngày, tuỳ theo việc khẩn cấp hay việc thường, từ Bắc thành (Hà Nội) đến Kinh đô Huế mất 4-6 ngày, tuỳ theo việc khẩn cấp hay việc thường (Nội các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ,* tập 15, bản dịch Viện Sử học, Nxb. Thuận Hoá, Huế, 1993, tr. 243). Theo đó mà suy thì việc quân Xiêm xâm phạm Hà Tiên xảy ra vào đầu tháng 2-1842. Chúng tôi theo đó để xác lập mốc thời gian cho sự kiện này.

(45). *Đại Nam thực lục,* tập 6, sđd, chép việc Hoàng đế Thiệu Trị, khi ấy đang ở Hà Nội, nhận tin Đoàn Văn Sách, Lương Văn Liễu đánh lui giặc Xiêm tại Hà Tiên trong khoảng thời gian từ sau ngày Canh Tý (tức ngày 21) tháng 2 năm Nhâm Dần (01-4-1842) đến hết tháng 2 năm Nhân Dần. Bấy giờ, tin tức từ Nam Kì đưa đến Huế, nếu việc khẩn cấp mất khoảng 9 ngày rồi

chuyển ra Hà Nội mất khoảng 4-5 ngày. Tức là tin thắng trận từ Hà Tiên phải mất 13-14 ngày mới đến Hà Nội. Theo đó mà suy thì việc quân Xiêm tấn công quy mô lớn vào Hà Tiên rồi bị quân Nguyễn đánh bại diễn ra vào nửa sau tháng 3-1842. Chúng tôi theo đó để xác lập mốc thời gian cho sự kiện này như trình bày ở trên.

(46), (47), (48), (49), (50), (52), (54), (56), (57), (59), (61), (62), (63), (64). Theo *Đại Nam thực lực,* tập 6, sđd, tr. 313, 316, 372, 311, 321-322, 323, 323-324, 325-326, 326, 346, 353-354, 355, 365-367, 372-373.

(51). *Trường Luỹ* là bức thành dài được quân Nguyễn dựng lên, đắp đất, trồng tre gai, dọc theo sông Vĩnh Tế. Đầu thời Pháp thuộc di tích này vẫn còn.

(53). Thời gian diễn ra trận đánh này là dựa theo sự xác định của Bun Srun Theam thông qua các sử liệu của Xiêm có liên quan (Theo *Cambodia in the mid-nineteenth century: a quest for survival 1840-1863*, sđd, tr. 95-96).

(55). *Cambodia in the mid-nineteenth century: A quest for survival 1840-1863*, sđd, tr. 94-95, 95-96.

(58). *Đại Nam thực lục,* tập 6, sđd, chép việc Hoàng đế Thiệu Trị (lúc này đã về Kinh đô Huế) nhận tin quân Nguyễn tiến đánh Thất Sơn lần thứ nhất và thắng lợi trong khoảng thời gian từ sau ngày Bính Thân (tức ngày 18) tháng 4 năm Nhâm Dần (27-5-1842) cho đến cuối tháng 4 năm Nhâm Dần. Thời gian tin tức truyền từ Nam Kì đến Huế khoảng 9-12 ngày (nếu khẩn cấp chỉ khoảng 9 ngày). Theo đó mà suy thì việc tiến đánh Thất Sơn diễn ra trong tháng 5-1842. Chúng tôi theo đó để xác định mốc thời gian cho sự kiện như trình bày ở trên.

(60). *Đại Nam thực lục,* tập 6, sđd, chép việc Thiệu Trị nhận tin thắng trận của Lê Văn Đức trong trận Thất Sơn lần thứ hai trong khoảng thời gian từ sau ngày 5-5 (13-6-1842), đến trước ngày 11-5 năm Nhâm Dần (19-6-1842). Tin báo từ Nam Kì về Huế, theo lệ định năm 1820 dưới thời Hoàng đế Minh Mệnh, mất khoảng 9-12 ngày. Từ đó, có thể suy ra việc Lê Văn Đức đánh Thất Sơn lần thứ hai diễn ra vào đầu tháng 6-1842. Chúng tôi theo đó để xác định mốc thời gian cho sự kiện như trình bày ở trên.